

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 12-8-2022  
V/ v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Thanh Hải.

Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:**  
Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Tái Thị S, sinh năm 1997.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm L, xã L.P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Q.L, xã B.L, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

**2. Bị đơn:** Anh Dương Văn C, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm L, xã L.P, huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Nhật Bản. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Tái Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L.P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào năm 2014 và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận tại gia đình nhà anh C tại xóm L, xã L.P, huyện P. Đến tháng 11/2018 thì anh C đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản. Thời gian đầu anh C có liên lạc về, đến năm 2020 anh C ít liên lạc và sau đó không còn quan tâm đến gia đình nữa. Chị được biết anh C có quan hệ với người khác tại Nhật Bản. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của anh C chị xác định anh C không cho chị biết và cả gia đình anh C đều không biết nên chị không có địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Quảng Đ, sinh ngày 12/3/2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được giao con chung cho anh C trực tiếp chăm sóc, vì hiện nay chị chưa có nhà ở ổn định, chị đi làm công ty phải thuê

trợ, cháu Đ từ khi sinh ra đến nay vẫn ở cùng bà nội là Ngô Thị L và đang học tại trường tiểu học xã L.P, huyện P, cháu Đ cũng có nguyện vọng ở với bố và bà nội.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với bà Ngô Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm L, xã L.P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là mẹ đẻ của anh Dương Văn C xác định: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án bà có thông tin cho anh C biết về việc chị S xin ly hôn với anh. Tại buổi làm việc ngày 20/7/2022 anh C có trực tiếp gọi điện về thể hiện quan điểm như sau: Về quan hệ hôn nhân: Xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, chị S xin ly hôn anh nhất trí. Về con chung như chị S đã khai là đúng. Khi ly hôn chị S có nguyện vọng được nuôi con, nhưng ý kiến của cháu Dương Quảng Đ là có nguyện vọng được ở với bố do vậy anh tha thiết xin được nuôi con chung, trong thời gian anh đang ở nước ngoài cháu Đ sẽ ở với bà nội là bà Ngô Thị L. Vì từ nhỏ cháu vẫn sống cùng bà, được bà chăm sóc. Hiện chị S đang đi làm xa không ở cùng cháu Đ nên không thể chăm sóc được tốt cho cháu. Về tài sản chung, nợ chung anh không đề nghị giải quyết.

Hiện anh C đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56; 81;82;83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị S, cho chị S được ly hôn với anh C. Về con chung: Giao cháu Dương Quảng Đ cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết. Chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 5701/CAT(PA01/XNC) ngày 14/6/2022 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định anh Dương Văn C đã xuất cảnh ngày 26/3/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Tái Thị S chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh C ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh C là bà Ngô Thị L (mẹ đẻ) có đủ căn cứ xác định anh C vẫn liên hệ với bà nhưng bà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn anh C và anh C không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu nhưng chị S, bà L không cung cấp địa chỉ của anh C ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài

nhưng không rõ địa chỉ. Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Tái Thị S và anh Dương Văn C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L.P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị S và anh C đều xác định: Do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh C đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản, hai vợ chồng khoảng cách địa lý ở xa nhau, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị S và anh C đều xác định không còn tình cảm vợ chồng. Anh C nhất trí ly hôn với chị S.

Hội đồng xét xử thấy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S, cho chị Tái Thị S được ly hôn với anh Dương Văn C là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Chị Tái Thị S và anh Dương Văn C có 01 con chung là Dương Quảng Đ, sinh ngày 12/3/2014. Hiện nay cháu Đ đang học tại trường tiểu học xã L.P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên và đang ở cùng bà nội là Ngô Thị L chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu Đ có nguyện vọng ở với bố và bà nội Ngô Thị L. Bà L có ý kiến chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ khi anh C chưa về nước. Tại phiên tòa, chị S xác định về điều kiện kinh tế và nơi ở hiện nay của chị chưa đảm bảo để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và xác định hiện nay cháu Đ đang ở ổn định và được bà nội Ngô Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Chị S nhất trí giao con chung cho anh C, khi anh C chưa về nước thì chị nhất trí để bà Ngô Thị L chăm sóc con chung.

Hội đồng xét xử thấy, để tạo điều kiện cho cháu Đ có nơi ở, học tập ổn định, đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn cũng như nguyện vọng của cháu Đ và nguyện vọng của anh C và chị S, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung là cháu Dương Quảng Đ, sinh ngày 12/3/2014 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo đúng quy định tại Điều 81;82; 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử tạm hoãn phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị S vì anh C không yêu cầu.

Chị S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu giải quyết. Phía anh C cũng xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Án phí: Chị S phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 28; 37 khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 58;

81; 82; 83 và Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tái Thị S với anh Dương Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tái Thị S được ly hôn với anh Dương Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương Quảng Đ, sinh ngày 12/3/2014 cho anh Dương Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị S có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị S vì anh C không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Tái Thị S phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000124 ngày 01/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh C được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- UBND xã L.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hồng Phương**